

CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH

Địa chỉ: Văn Phòng: Phòng 20, Tầng 20, Tòa Nhà Formach

NỘI DUNG

BÁO CÁO CỦA BAN CHỨC SỬ DỤNG

BÁO CÁO KIỂM TRA TÀI CHÍNH

HÌNH CẢNH ĐỐI TƯỢNG

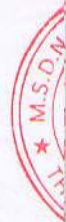
BÁO CÁO VỀ QUÁ TRÌNH ĐÓNG KINH DOANH

CY TÍNH BÁO CÁO

CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH

Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành Phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-21



CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH

Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Formach (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị gồm:

Ông Phạm Thế Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khoa	Ủy viên
Ông Nguyễn Đăng Văn	Ủy viên
Ông Trần Công Bình	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Văn	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm tháng 07/2015)
Ông Trần Công Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thu Anh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

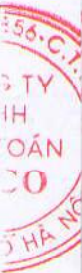
Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Phạm Văn Cường

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2017





Số: /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
của Công ty Cổ phần Formach

Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Formach

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Formach (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 07 tháng 12 năm 2017, từ trang 04 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty chưa đối chiếu đầy đủ số dư các khoản nợ phải thu, phải trả; tổng số dư các khoản nợ chưa được đối chiếu tại thời điểm kết thúc năm tài chính 31 tháng 12 năm 2015 gồm: (i) Phải thu khách hàng với số tiền 11.558.723.969 đồng; (ii) Người mua trả tiền trước với số tiền 1.952.189.286 đồng; (iii) Phải trả người bán với số tiền 9.017.899.337 đồng; và (iv) Trả trước cho người bán với số tiền 8.704.300.184 đồng; chiếm 28,33 % tổng giá trị Tài sản của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (sau khi trừ giá trị dự phòng tổn thất các khoản phải thu đã được trích lập là 11.738.565.176 đồng). Chúng tôi không thể xác nhận hoặc kiểm tra bằng các phương pháp thay thế khác đối với các khoản phải thu, phải trả này. Do những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản phải thu, phải trả đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận, cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Do chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 nên chúng tôi không thể tham gia kiểm kê tiền mặt, sản phẩm dở dang của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng giá trị thuần của các khoản mục này là 9.606.054.960 đồng, chiếm 13,96% giá trị tổng tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế, do đó chúng tôi không xác định được tính hiện hữu của các khoản mục này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề trên đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Công ty chưa xem xét trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nếu trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi thì chi phí quản lý doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đều tăng thêm số tiền là 5.749.758.239 đồng, và Công ty chưa trích đầy đủ khấu hao đối với một số tài sản cố định với số tiền 1.968.744.777 đồng. Theo đó, nếu ghi nhận đủ chi phí này thì Lỗ lũy kế chưa phân phối sẽ tăng thêm với tổng giá trị khoảng 7,7 tỷ đồng. Chưa có điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2017

Chử Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Giấy CN-ĐKHN kiểm toán số: 1403-2013-156-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.258.297.318	49.519.499.940
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.123.897.235	2.404.094.921
1. Tiền	111	5	3.123.897.235	2.404.094.921
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.148.690.366	34.986.528.205
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	21.317.272.322	19.743.608.914
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	8.704.300.184	9.132.192.246
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	17.865.683.036	17.579.480.756
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(11.738.565.176)	(11.468.753.711)
IV. Hàng tồn kho	140		8.925.315.017	12.015.821.679
1. Hàng tồn kho	141	10	8.932.552.934	12.023.059.596
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.237.917)	(7.237.917)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		60.394.700	113.055.135
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	4.405.460	4.405.460
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		55.989.240	108.649.675
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.554.780.959	20.646.080.501
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		122.936.100	275.058.100
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	122.936.100	275.058.100
II. Tài sản cố định	220		10.560.565.740	11.189.042.865
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	10.552.469.740	11.175.616.865
- Nguyên giá	222		34.793.629.903	34.404.046.944
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.241.160.163)	(23.228.430.079)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	8.096.000	13.426.000
- Nguyên giá	228		62.706.000	62.706.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.610.000)	(49.280.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.253.160.226	7.378.405.311
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	7.253.160.226	7.378.405.311
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.618.118.893	1.803.574.225
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.618.118.893	1.803.574.225
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		68.813.078.277	70.165.580.441

56-C.1
TY
H
TOÁN
CO
S. H. N.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		67.558.048.063	67.573.086.889
I. Nợ ngắn hạn	310		46.132.879.739	46.174.498.565
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	12.387.541.812	12.043.480.952
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.925.189.286	5.215.643.700
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	19.724.582.445	19.365.080.172
4. Phải trả người lao động	314		609.640.297	1.239.775.873
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		275.665.678	533.275.558
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	7.048.196.621	7.243.803.122
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	4.145.624.412	517.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.439.188	16.439.188
II. Nợ dài hạn	330		21.425.168.324	21.398.588.324
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	21.425.168.324	21.398.588.324
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.255.030.214	2.592.493.552
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	872.530.214	2.209.993.552
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.044.600.000	13.044.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.044.600.000	13.044.600.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.471.700.545	1.471.700.545
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		115.817.114	115.817.114
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(13.759.587.445)	(12.422.124.107)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		382.500.000	382.500.000
1. Nguồn kinh phí	431		382.500.000	382.500.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		68.813.078.277	70.165.580.441

Phạm Văn Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2017



Lê Thị Thu Loan
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thái Thanh
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	47.266.515.115	53.364.008.099
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		40.505.777	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		47.226.009.338	53.364.008.099
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	21	45.882.108.441	48.666.935.059
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.343.900.897	4.697.073.040
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	19.463.244	168.320.492
7. Chi phí tài chính	22	24	88.873.986	23.021.302
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		88.873.986	13.553.191
8. Chi phí bán hàng	25		-	7.145.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	1.484.797.176	3.826.055.069
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(210.307.021)	1.009.172.161
11. Thu nhập khác	31		12.553.307	15.398.972
12. Chi phí khác	32	26	1.138.329.328	572.613.883
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.125.776.021)	(557.214.911)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.336.083.042)	451.957.250
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1.336.083.042)	451.957.250
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.024)	346

Phạm Văn Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2017

Lê Thị Thu Loan
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thái Thanh
Người lập biểu



(Handwritten signature of Lê Thị Thu Loan)

(Handwritten signature of Hoàng Thị Thái Thanh)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.336.083.042)	451.957.250
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.029.953.584	1.046.279.935
- Các khoản dự phòng	03	269.811.465	448.511.985
- Lãi/ (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	9.468.111
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(19.463.244)	(140.076.927)
- Chi phí lãi vay	06	88.873.986	13.553.191
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33.092.749	1.829.693.545
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.399.565.566)	2.651.686.318
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.090.506.662	(228.150.696)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(3.624.835.109)	(7.882.121.756)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(814.544.668)	(239.559.519)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(88.873.986)	(13.553.191)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.828.129)	(273.583.571)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	172.374.375	8.468.592
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.380.296)	(2.474.885)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.652.053.968)	(4.149.595.163)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(383.272.874)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	107.041.500	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.463.244	140.076.927
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(256.768.130)	140.076.927
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	3.628.624.412	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.628.624.412	(300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	719.802.314	(4.309.518.236)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.404.094.921	6.723.081.268
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(9.468.111)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	3.123.897.235	2.404.094.921

Phạm Văn Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2017

Lê Thị Thu Loan
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thái Thanh
Người lập biểu



(Handwritten signature of Lê Thị Thu Loan)

(Handwritten signature of Hoàng Thị Thái Thanh)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Formach là doanh nghiệp được thành lập theo quyết định số 595/QĐ/BNN-TCCB do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký ngày 23 tháng 2 năm 2001.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102809, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18 tháng 8 năm 2015 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ là 13.044.600.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2015 là 88 người (tại 31/12/2014 là 107 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thiết kế chế tạo các máy chế biến gỗ, máy lâm nghiệp, thiết bị nâng hạ, chuyển tải, các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành lâm nghiệp và các ngành kinh tế khác;
- Sản xuất kết cấu thép, lắp dựng nhà xưởng và thiết bị, sản xuất vật liệu xây dựng, cán kéo thép, lắp ráp ô tô, xe máy;
- Chế biến gỗ và làm các lâm sản khác, dịch vụ xăng dầu, cung cấp vật tư, kỹ thuật, thiết bị phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân;
- Xây lắp thi công các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông nông thôn và lâm nghiệp, các công trình thủy lợi và thủy điện nhỏ, các loại đường bán thấm nhựa;
- Xuất khẩu các sản phẩm nông lâm hải sản, sản phẩm cơ khí và thủ công mỹ nghệ;
- Nhập khẩu: Vật tư máy móc thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất và chế biến lâm nông sản và cơ khí, phương tiện vận tải và hàng tiêu dùng;
- Dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, thể dục thể thao; Kinh doanh văn phòng, kho bãi, xây dựng đường dây tải điện và trạm biến áp có cấp điện áp từ 35KV trở xuống;
- Xây dựng thi công các công trình cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy và điện lạnh;
- Chế tạo phụ tùng xe máy, bảo dưỡng và dịch vụ bán hàng xe máy. Kinh doanh hóa chất dùng trong ngành thực phẩm, mỹ phẩm và các ngành công nghiệp khác (trừ các hóa chất Nhà nước cấm);
- Chế tạo, lắp đặt và chuyển giao công nghệ, thiết bị xử lý và bảo vệ môi trường. Đóng mới các loại thùng xe tải và xe chuyên dùng;
- Lắp đặt các thiết bị nâng hạ trên phương tiện giao thông: sửa chữa, phục hồi, hoán cải các phương tiện cơ giới đường bộ;
- Và một số ngành nghề đăng ký kinh doanh khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

56-C
TY
H
OÁN
CO
5 H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có vấn đề biến động lớn nào được đánh giá là có ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ lập báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Hình thức kế toán áp dụng

Chúng tôi ghi sổ bằng phần mềm trên máy vi tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn.

Các bên liên quan

Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông.

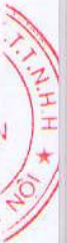
3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp. Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (Năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	08 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 15
Thiết bị quản lý	05 - 08
Tài sản cố định khác	05 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là trang web của công ty được khấu hao trong 5 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản sửa chữa lớn nhà máy và một số tài sản nhưng không làm tăng nguyên giá của Tài sản; Giá trị còn lại của các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 được phân bổ không quá 3 năm; Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của cổ đông. Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	680.739.943	136.808.176
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.443.157.292	2.267.286.745
Cộng	<u>3.123.897.235</u>	<u>2.404.094.921</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Công ty xi măng Hoàng Thạch	6.352.645.352	6.496.634.708
Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn	1.411.466.400	-
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng thương mại dịch vụ tổng hợp Thanh Bình	870.750.000	150.845.000
Công ty Cổ phần Galax - Chi nhánh Nghệ An	1.174.909.605	504.760.355
Công ty VIWASEEN	715.938.231	-
Công ty xây dựng kinh doanh nhà Tín Nghĩa	707.642.543	707.642.543
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư-Tổng Công ty mía đường I - Công ty Cổ phần.	690.000.000	-
Công ty Cổ phần mía đường Sông Con	649.044.000	-
Công ty Cổ phần mía đường Sơn La	553.423.000	-
Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng Thiên Việt	491.736.169	-
Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn	444.751.425	444.751.425
Công ty liên doanh LEVER Việt Nam	398.747.448	-
Công ty TNHH cơ khí đúc Hoàng Long	352.493.900	547.218.100
Công ty cơ khí Thương mại Quang Thắng	349.563.500	-
Công ty Cổ phần cao su Ten Lin	330.381.223	330.381.223
Công ty lắp máy xây dựng số 3	286.089.881	286.089.881
Công ty TNHH cơ khí đúc Hoàng Long	251.948.400	-
Tổng cục kỹ thuật Xí nghiệp Z45	242.700.500	242.700.500
Công ty Cổ phần công nghiệp E Nhất	237.416.035	-
Đối tượng khác	4.805.624.710	10.032.585.179
Cộng	<u>21.317.272.322</u>	<u>19.743.608.914</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Dự án gỗ Campuchia	4.669.364.666	4.669.364.666
Công ty Tây Nam-K.LTD (Gỗ Campuchia)	3.639.760.746	3.639.760.746
Công ty GATIRICA	104.369.000	104.369.000
DNTN XN cơ khí Long Quân	100.000.000	100.000.000
Đối tượng khác	190.805.772	618.697.834
Cộng	<u>8.704.300.184</u>	<u>9.132.192.246</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
- Phải thu Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô	12.804.234.126	10.396.814.639
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;	1.051.629.867	1.051.629.867
- Phải thu người lao động;	1.185.176.310	2.374.237.821
- Ký cược, ký quỹ;	-	20.252.375
-Xí nghiệp Thiết bị nâng	737.206.000	737.206.000
-Xí nghiệp xây lắp	548.492.773	548.492.773
-Phải thu khác.	1.538.943.960	2.450.847.281
Cộng	<u><u>17.865.683.036</u></u>	<u><u>17.579.480.756</u></u>
	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
b. Phải thu dài hạn khác		
- Ký cược, ký quỹ	122.936.100	275.058.100
Cộng	<u><u>122.936.100</u></u>	<u><u>275.058.100</u></u>

9. NỢ XẤU

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Tây Nam-K.LTD	3.639.760.746	-	3.639.760.746	-
Tổng cục kỹ thuật Xi nghiệp Z45	242.700.500	-	242.700.500	-
Đối tượng khác	7.856.103.930	-	7.586.292.465	-
Cộng	<u><u>11.738.565.176</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>11.468.753.711</u></u>	<u><u>-</u></u>

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.702.110.168	-	1.922.668.676	-
Công cụ, dụng cụ	8.930.476	(7.237.917)	8.930.476	(7.237.917)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.629.652.305	-	9.497.978.699	-
Thành phẩm	591.859.985	-	593.481.745	-
Cộng	<u><u>8.932.552.934</u></u>	<u><u>(7.237.917)</u></u>	<u><u>12.023.059.596</u></u>	<u><u>(7.237.917)</u></u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.405.460	4.405.460
Cộng	<u><u>4.405.460</u></u>	<u><u>4.405.460</u></u>
	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, siêu thị	840.756.281	191.816.208
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	205.193.040	384.775.429
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.572.169.572	1.226.982.588
Cộng	<u><u>2.618.118.893</u></u>	<u><u>1.803.574.225</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị dụng cụ quản lý		TSCĐ khác		Đơn vị: VND	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	Tổng cộng	VND
Nguyên giá												
Tại 01/01/2015	18.495.525.381	11.625.066.464	2.138.015.453	376.069.610	1.769.370.036	34.404.046.944						
- Mua trong năm	153.388.064	100.000.000	-	-	-	253.388.064						
- Tăng khác	255.129.895	-	-	-	-	255.129.895						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(118.935.000)	-	-	-	(118.935.000)						
Tại 31/12/2015	18.904.043.340	11.606.131.464	2.138.015.453	376.069.610	1.769.370.036	34.793.629.903						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Tại 01/01/2015	10.952.087.871	10.076.520.145	1.741.370.194	348.283.985	110.167.884	23.228.430.079						
- Khấu hao trong năm	569.795.362	381.808.261	67.462.836	5.557.125	-	1.024.623.584						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(11.893.500)	-	-	-	(11.893.500)						
Tại 31/12/2015	11.521.883.233	10.446.434.906	1.808.833.030	353.841.110	110.167.884	24.241.160.163						
Giá trị còn lại												
Tại 01/01/2015	7.543.437.510	1.548.546.319	396.645.259	27.785.625	1.659.202.152	11.175.616.865						
Tại 31/12/2015	7.382.160.107	1.159.696.558	329.182.423	22.228.500	1.659.202.152	10.552.469.740						

Ghi chú: (i) Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 16.031.707.701 đồng (số tại 31/12/2014 là 14.925.877.0497 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	<u>Phần mềm tin học</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	62.706.000	62.706.000
Tại ngày 31/12/2015	62.706.000	62.706.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	49.280.000	49.280.000
Khấu hao trong năm	5.330.000	5.330.000
Tại ngày 31/12/2015	54.610.000	54.610.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	13.426.000	13.426.000
Tại ngày 31/12/2015	8.096.000	8.096.000

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
Chi phí làm sổ đỏ khu nhà trẻ			113.410.000	113.410.000
Chi phí cải tạo nhà bán mái			11.835.085	11.835.085
Dự án 102 đường Trường Chinh	7.253.160.226	7.253.160.226	7.253.160.226	7.253.160.226
Cộng	<u>7.253.160.226</u>	<u>7.253.160.226</u>	<u>7.378.405.311</u>	<u>7.378.405.311</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần mô đá và vật liệu xây dựng	5.859.282.658	5.859.282.658	5.892.152.071	5.892.152.071
Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Thịnh Linh	669.280.350	669.280.350	535.965.510	535.965.510
Công ty Cổ phần thương mại Hải Anh	563.249.580	563.249.580	563.249.580	563.249.580
Công ty Xuất nhập khẩu và Đầu tư xây dựng Hà Nội	496.319.797	496.319.797	496.319.797	496.319.797
Công ty Cổ phần nôi hơi Việt Nam	274.958.000	274.958.000	274.958.000	274.958.000
Công ty TNHH HTH Hà Nội	263.654.043	263.654.043	-	-
Công ty TNHH cơ khí đúc Hoàng Long	251.948.400	251.948.400	251.948.400	251.948.400
Công ty TNHH MTV cơ khí Mê Linh	243.210.000	243.210.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	3.765.638.984	3.765.638.984	4.028.887.594	4.028.887.594
Cộng	<u>12.387.541.812</u>	<u>12.387.541.812</u>	<u>12.043.480.952</u>	<u>12.043.480.952</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	15.900.904	11.324.684.820	11.100.874.562	239.711.162
Thuế thu nhập doanh nghiệp	770.513.776	-	18.828.129	751.685.647
Thuế thu nhập cá nhân	22.178.184	43.435.979	28.253.184	37.360.979
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	12.556.121.917	6.577.035.686	7.233.239.000	11.899.918.603
Các loại thuế khác	6.000.365.391	802.040.663	6.500.000	6.795.906.054
Cộng	19.365.080.172	18.747.197.148	18.387.694.875	19.724.582.445

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	345.863.468	337.550.193
- Bảo hiểm xã hội;	3.725.665	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	173.405.917	-
- Công ty cổ phần tổng hợp Bắc Hà	2.520.260.000	2.520.260.000
- Tổng Công ty lâm nghiệp Việt nam	2.308.943.601	2.308.943.601
- Công ty cổ phần FORMACH	548.492.773	427.726.877
- Phải trả khác	1.147.505.197	1.272.008.768
Cộng	7.048.196.621	7.243.803.122
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	21.425.168.324	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	21.398.588.324
Cộng	21.425.168.324	21.398.588.324



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	36.442.309.518	41.781.208.516
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.824.205.597	11.582.799.583
Cộng	47.266.515.115	53.364.008.099
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại;	40.505.777	-
Cộng	40.505.777	-

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.882.108.441	48.666.935.059
Cộng	45.882.108.441	48.666.935.059

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.124.220.223	16.308.554.437
Chi phí nhân công	9.444.980.545	12.431.017.152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.029.953.584	492.632.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.824.914.586	23.917.849.837
Chi phí khác bằng tiền	74.510.285	-
Cộng	44.498.579.223	53.150.053.646

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.463.244	168.320.492
Cộng	19.463.244	168.320.492

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	88.873.986	13.553.191
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	9.468.111
Cộng	88.873.986	23.021.302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý phát sinh trong kỳ	1.484.797.176	3.826.055.069
Chi phí nhân viên	1.033.123.868	1.733.489.695
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	10.210.943
Chi phí khấu hao TSCĐ	106.366.424	66.615.846
Thuế, phí và lệ phí	40.968.765	850.011.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.526.654	702.215.458
Chi phí dự phòng	269.811.465	463.511.985
Cộng	1.484.797.176	3.826.055.069

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Phạt chậm nộp thuế đất Thanh Trì	1.057.846.613	-
Phạt thuế	-	570.359.755
Xử lý hàng tồn kho mất, thiếu hụt	65.130.532	-
Các khoản khác	15.352.183	2.254.128
Cộng	1.138.329.328	572.613.883

27. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế cả năm	(1.336.083.042)	451.957.250
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế TNDN	-	250.946.578
- Chi phí không hợp lệ	-	250.946.578
Chuyển lỗ	(1.336.083.042)	(702.903.828)
Thuế suất thuế TNDN theo thuế suất phổ thông 2015	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

28. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lương, thưởng Giám đốc	302.200.000	303.500.000
Cộng	302.200.000	303.500.000

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán.

Phạm Văn Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2017



Lê Thị Thu Loan
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thái Thanh
Người lập biểu